

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THPT HDB

Số: 102/QĐ-PTDTNTTHPTHDB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024
của Trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Đoàn thể, bộ phận kế toán và viên chức trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đăng web trường, zalo;
- Lưu :VT.KT.

Hiệu trưởng



Lương Đình Tuấn

Đơn vị: **TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN**
 Chương: **422**

CÔNG KHAI THỰC HIỆN TIẾT KIỆM CHI 5% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024

Trường phổ thông DTNT THPT huyện Điện Biên công khai tình hình thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 như sau:

DV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2024	Thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024	Dự toán sau tiết kiệm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.143,8	9,0	16.134,77	
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.143,8	9,0	16.134,77	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.143,770	9,0	16.134,77	

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.483,3	9,0	8.474,27	
	Trong đó:				
	- Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	118,0			
	- Kinh phí tiết kiệm thêm 10% thực hiện điều chỉnh lương				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.660,5	0,0	7.660,5	
	Trong đó:				
	Cấp bù theo ND 81/2021/ND-CP	72,0		72,0	
	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND81/2021				
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã ĐBKK theo ND116/2016/ND-CP				
	Hỗ trợ học tập theo ND 57/2017/ND-CP	26,0		26,0	
	Học bổng học sinh dân tộc nội trú	6.653,0		6.653,0	
	Hỗ trợ chi phí học tập theo thông tư 109/2009/TTLT BGD BGDĐT	700,0		700,0	
	Hỗ trợ nấu ăn các trường DTNT	155,0		155,0	
	Các loại phần mềm phục vụ chuyển đổi số	38,5		38,5	
	Phần mềm kế toán Misa	16,0		16,0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Điện Biên, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Chủ trường đơn vị
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Lương Đình Tuấn